

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025
(Hình thức đào tạo: Đại học từ xa)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 159/QĐ-ĐHSD ngày 10 tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sao Đỏ

2. Mã trường: SDU

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

Trụ sở chính: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://saodo.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02203 882 402 - 0862 15 05 69

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://saodo.edu.vn/vi/news/dai-hoc-chinh-quy>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:
<https://saodo.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ XA

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đại học từ xa theo phương thức xét tuyển.

Xét tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển và điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực).

Điểm xét tuyển = (Điểm trung bình cả năm môn 1 lớp 12 + Điểm trung bình cả năm môn 2 lớp 12 + Điểm trung bình cả môn 3 năm lớp 12) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Căn cứ điểm xét trúng tuyển xếp từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển

- Ngưỡng đầu vào: Tổng điểm trung bình cả năm của 3 môn lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển và điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) đạt từ 18,0 điểm trở lên.

- Căn cứ điểm xét trúng tuyển xếp từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Mã trường: SDU

- Địa chỉ đào tạo: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

TT	Mã xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Tên nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển
1	SDU33	7340101	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh	10	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A09: Toán, Địa lí, GDCD C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí C14: Ngữ văn, Toán, GDCD
2	SDU34	7340301	Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	10	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh X21: Toán, Địa lí, GDKT&PL X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL
Cộng					20	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển

Nhà trường không quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian tuyển sinh

Thời gian nhận hồ sơ (dự kiến): Từ tháng 4/2025 đến tháng 11/2025

6.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu của Nhà trường (thí sinh có thể tải trên website).
- Bản sao học bạ THPT.
- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời năm 2025.

- Bản sao Căn cước công dân/Căn cước; Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Địa chỉ: Phòng Đào tạo và Tuyển sinh, Trường Đại học Sao Đỏ, số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203 882 402 hoặc 0862 15 05 69 - 0911422658 - 0981116388

Email: tuyensinh.sdu@gmail.com

Website: saodo.edu.vn

7. Chính sách ưu tiên

Thực hiện theo quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí đăng ký dự tuyển sinh: 200.000 đồng/hồ sơ.

9. Cam kết của Nhà trường đối với thí sinh

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo đúng quy chế và sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan và chống mọi hiện tượng tiêu cực.
- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.
- Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện.
- Chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.
- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm quy chế.

10. Các nội dung khác

Thông tin về học phí dự kiến:

Học phí thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Học phí thu theo tín chỉ:

Khối ngành III (Kinh doanh và quản lý, pháp luật): 435.000 đồng/tín chỉ;

Học phí có thể được điều chỉnh khi có quy định mới của Nhà nước và quy chế của Nhà trường, nhưng mức thay đổi hàng năm không quá 13% so với năm học trước.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã ngành	Tên nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1	SDU01	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét kết quả thi tốt nghiệp	70	66	17/30	80	80	17/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
2	SDU02	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205		Xét kết quả thi tốt nghiệp	230	215	18/30	220	220	18/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
3	SDU03	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	Xét kết quả thi tốt nghiệp	130	130	17/30	130	129	17/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
4	SDU06	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Xét kết quả thi tốt nghiệp	70	63	17/30	100	78	17/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
5	SDU09	Công nghệ dệt, may	7540204	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giấy, da	Xét kết quả thi tốt nghiệp	30	9	16/30	60	12	16/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã ngành	Tên nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
6	SDU04	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	Xét kết quả thi tốt nghiệp	240	235	17/30	165	156	17/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30		18/30	
7	SDU05	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	Xét kết quả thi tốt nghiệp	45	36	16/30	80	29	16/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30		18/30	
8	SDU07	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	Xét kết quả thi tốt nghiệp	40	38	16/30	60	41	16/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30		18/30	
9	SDU08	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	Xét kết quả thi tốt nghiệp	40	38	16/30	60	26	16/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30		18/30	
10	SDU10	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	Xét kết quả thi tốt nghiệp	195	179	18/30	135	116	18/30
					Xét kết quả học tập THPT			18/30		18/30	

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã ngành	Tên nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
11	SDU12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	Xét kết quả thi tốt nghiệp Xét kết quả học tập THPT	20	9	16/30 18/30	30	14	16/30 18/30
12	SDU13	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	Đào tạo giáo viên	Xét kết quả thi tốt nghiệp Xét kết quả học tập THPT	40	40	21,74/30 24/30			
13	SDU14	Sư phạm công nghệ	7140246		Xét kết quả thi tốt nghiệp Xét kết quả học tập THPT	20	16	19/30 24/30			

Cán bộ tuyển sinh
 Hoàng Thị Bích Ngọc
 Số điện thoại: 0862 15 05 69
 Email: tuyensinh.sdu@gmail.com

Hải Dương, ngày 18 tháng 4 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên